

DI ĐỘNG NHÂN LỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TẠI CÁC QUỐC GIA ASEAN TRONG XU THẾ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

ĐÀO THANH TRƯỜNG*

1. Dẫn nhập

Trong tác phẩm “Phép biện chứng tự nhiên”, Engels viết: “*Con người sống lan rộng ra đến tất cả những nơi nào có thể ở được. Người là một loài động vật duy nhất đã làm được điều đó một cách tự chủ*” (Marx và Engels, 1994). Ngày nay, cũng chính sự phân bố không đều về dân cư, về điều kiện tự nhiên cùng với sự bùng nổ dân số trên thế giới đã hình thành luồng di chuyển lao động từ những nước kinh tế chậm phát triển đến những nước có đời sống kinh tế khá hơn, nhân lực lao động ở nước nghèo tài nguyên di chuyển đến những nước có điều kiện thiên nhiên thuận lợi, dân cư ở nước có mật độ dân số cao di chuyển đến những nước có mật độ dân cư thấp. Đây được coi là một quy luật xã hội. Nằm trong mối tương quan đó, nhân lực khoa học và công nghệ (KH&CN) cũng đang chịu sự tác động của quy luật này. Đặc biệt, đối với các quốc gia đang phát triển thì vấn đề di động nhân lực KH&CN đang trở thành vấn đề nóng và đòi hỏi sự quan tâm trong các chiến lược phát triển trong tương lai. Khi “sân chơi cạnh tranh toàn cầu được san bằng, thế giới được san phẳng” (Friedman, 2005: 8) thì sự di động này có thể đem lại lợi ích lớn cho các quốc gia phát triển và đang phát triển, tuy nhiên lại đem lại mối đe dọa đối với các quốc gia còn lại.

Các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á cũng không nằm ngoài mối đe dọa đó. Mới đây nhất, vào ngày 22/11/2015, Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN họp tại thủ đô của Malaysia đã ra Tuyên bố Kuala Lumpur 2015, chính thức thành lập “Cộng đồng Kinh tế ASEAN” (AEC - ASEAN Economic Community), có hiệu lực thực thi từ ngày 31/12/2015. Việc thành lập cộng đồng chung này đem lại nhiều lợi ích, nhiều phương hướng, chiến lược cho việc phát triển nguồn nhân lực KH&CN nhưng cũng đem lại những mối đe dọa liên quan đến chảy chất xám (brain drain) trong nội bộ cộng đồng ASEAN cũng như giữa các quốc gia trong cộng đồng ASEAN với các quốc gia khác trên thế giới. Vấn đề chảy chất xám dưới tiếp cận xã hội học có thể xem là một hình thức của *di động xã hội (social mobility)* trong cộng đồng KH&CN - một thuật ngữ xã hội học dùng để chỉ sự thay đổi của một hay nhiều cá thể giữa các đơn vị của hệ thống, tầng lớp xã hội. Các nhà xã hội học đã phân loại di động xã hội theo các hình thức như: di động xã hội theo chiều dọc hoặc theo chiều ngang, di động kèm di cư, di động không kèm di cư, di động vai trò, di động giữa các thế hệ, trong thế hệ, di động cấu trúc... Trong bài viết này, tác giả chỉ tập trung nghiên cứu, phân tích một loại hình di động xã hội trong cộng đồng nhân lực KH&CN, đó là di động xã hội kèm di cư.

* TS, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Nguyên nhân của sự di động nhân lực KH&CN của các quốc gia ASEAN

2.1. Nhóm các yếu tố môi trường

- *ASEAN là khu vực có mức tăng trưởng cao và ổn định:* ASEAN lâu nay luôn được coi là khu vực tăng trưởng cao và ổn định hơn các khu vực khác. Trong giai đoạn 1980-2013, tốc độ tăng trưởng hàng năm của ASEAN luôn cao hơn tốc độ tăng trưởng toàn cầu khoảng 2% (Ban Thống kê và dự báo kinh tế, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, 2014: 3). Thành tựu này đã thu hẹp khoảng cách GDP bình quân đầu người của ASEAN với mức bình quân toàn cầu từ 6 lần vào năm 1980 xuống còn 2,7 lần vào năm 2013. Ngay cả trong giai đoạn khủng hoảng tài chính toàn cầu, tốc độ tăng trưởng của ASEAN vẫn đạt 4,9%.

- *ASEAN là môi trường thương mại hấp dẫn và thu hút đầu tư:* Phải nói rằng ASEAN là khu vực hấp dẫn đối với các nhà đầu tư quốc tế. Năm 2006, ASEAN là nơi có trụ sở của 49 công ty trong Forbes Global 2000. Đến năm 2013, con số đó đã tăng lên 74 (Trần Văn Phát, 2014). ASEAN có 227 công ty trên thế giới với hơn 1 tỷ USD doanh thu, trong đó, Singapore nổi bật với vị trí đứng thứ năm trên thế giới về mật độ công ty có trụ sở chính và chi nhánh nước ngoài. Trên thực tế, năm 2013, các nước ASEAN-5 bao gồm Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore và Thái Lan đã thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài nhiều hơn so với Trung Quốc (ASEAN-5 là 128 tỉ USD còn Trung Quốc là 117 tỉ USD). Đồng thời trong năm 2013, khu vực này đã thu hút 9% dòng vốn FDI toàn cầu vào lĩnh vực sản xuất. Tuy nhiên, ASEAN không chỉ hấp dẫn đầu tư nhờ năng lực sản xuất; nhà đầu tư còn thấy ASEAN như một thị trường nội địa rất lớn. Nếu xem ASEAN là một quốc gia duy nhất, đó sẽ là thị trường lớn thứ ba trên thế giới về dân số sau Trung Quốc và Ấn Độ. Đây là một thị trường mở để nguồn nhân lực KH&CN có cơ hội làm việc và cống hiến cũng như các công ty có môi trường kinh doanh thuận lợi để gây dựng và phát triển.

- *ASEAN nằm trong chuỗi giá trị toàn cầu:* Đơn cử có thể thấy, Việt Nam chuyên về dệt may trong khi Singapore và Malaysia hiện đang dẫn đầu về xuất khẩu điện tử, Philippines có một ngành gia công phần mềm phát triển. Thái Lan đã gia nhập hàng ngũ các nhà xuất khẩu xe ô tô và phụ tùng hàng đầu còn Indonesia là nước sản xuất cũng như xuất khẩu lớn nhất thế giới về dầu cọ, than và là nhà sản xuất lớn thứ hai về ca cao và thiếc. Mặc dù Myanmar chỉ mới bắt đầu mở nền kinh tế nhưng lại có trữ lượng lớn dầu, khí đốt và khoáng sản quý. Nhu cầu nguồn hàng từ Mỹ, châu Âu, Trung Quốc và Nhật Bản đã tiếp tục thúc đẩy kinh tế ASEAN tăng trưởng. Các khu chế xuất đã được thành lập trên toàn ASEAN: Khu thương mại tự do Batam (Singapore - Indonesia), các khu bất động sản phía Nam khu vực công nghiệp (Thái Lan), Khu chế xuất Tanjung Emas (Indonesia), Cảng Klang Free Zone (Malaysia), các đặc khu kinh tế Thilawa (Myanmar), và Khu chế xuất Tân Thuận, VSIP (Việt Nam) đều đã và sẽ thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu cho khu vực này.

- *ASEAN có lợi về lực lượng nhân lực cho hoạt động KH&CN:* Lực lượng lao động của ASEAN dự kiến sẽ tăng thêm 70 triệu vào năm 2030 (so với năm 2010). Trong khi đó, lực lượng lao động của Trung Quốc dự kiến sẽ giảm gần 70 triệu. Cơ cấu thuận lợi

này giúp ASEAN thu hút các nhà đầu tư vào sản xuất, đào tạo nhân lực KH&CN hoặc thu hút nhân lực KH&CN tham gia vào các hoạt động KH&CN.

- *Mối liên kết trong và ngoài cộng đồng ASEAN*: Trong dài hạn, ASEAN sẽ có lợi từ các hiệp định thương mại tự do, đặc biệt trong số đó là Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) và Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP). Thông qua những hiệp định này, nền kinh tế ASEAN có cơ hội tiếp cận những thị trường có quy mô lớn hơn. Ngoài ra, thương mại nội bộ của ASEAN cũng có thể phát triển hơn nữa nhờ tăng cường hợp tác kinh tế ngày càng mạnh mẽ với việc thành lập Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC).

2.2. Nhóm các yếu tố nội tại

- *ASEAN là khu vực có sự phân hóa cao và có sự cách biệt lớn giữa các quốc gia*: trong cộng đồng các quốc gia ASEAN, có sự chênh lệch lớn về tăng trưởng kinh tế, ví dụ GDP bình quân đầu người của Singapore cao gấp 55 lần so với Campuchia (Lee, 2014). Điều này dẫn đến sự khác biệt trong môi trường, điều kiện làm việc cho nhân lực KH&CN. Hơn nữa, sự khác biệt từ văn hóa, ngôn ngữ, điều kiện học tập cũng là nguyên nhân dẫn đến sự di động nhân lực KH&CN trong cộng đồng các quốc gia ASEAN.

- *Năng suất lao động*: Tại hầu hết các nước ASEAN, năng suất lao động chỉ bằng khoảng 1/3 đến 1/2 so với năng suất lao động tại Mỹ (ngoại trừ Singapore là nước có năng suất lao động cao nhất châu Á). Đây chính là lý do để nguồn nhân lực KH&CN bên ngoài tham gia vào sản xuất tại khu vực và sự di chuyển ra bên ngoài các quốc gia khác trên thế giới vì năng suất lao động đi kèm với mức lương được chi trả.

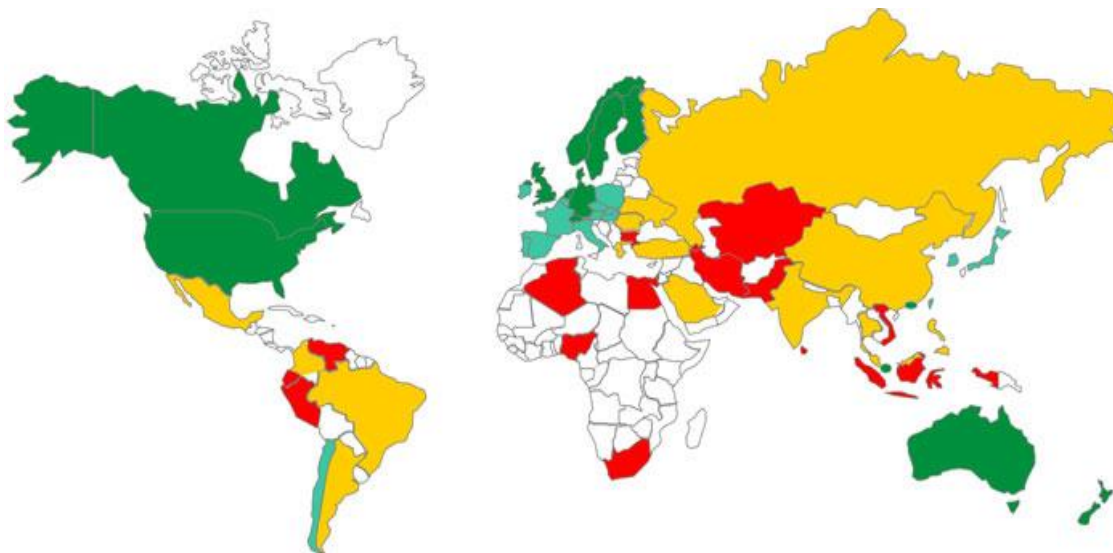
- *Hoạt động nhóm của các nhà khoa học*: Các nhà khoa học luôn bị thu hút bởi các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới khác trong quá trình sáng tạo (ví dụ như một ý tưởng mới, một sản phẩm mới, và một quy trình sản xuất mới, các hoạt động nghiên cứu và phát triển). Hơn nữa, các nhà khoa học thường xuyên làm việc trong một mạng lưới các nhà khoa học và cộng tác viên từ nhiều nước. Chính điều này ảnh hưởng đến quyết định di động kèm theo di cư của họ.

Như người xưa thường nói “nước chảy chỗ trũng”, khi bản thân nguồn nhân lực KH&CN của quốc gia không thể đáp ứng được yêu cầu đòi hỏi thì sẽ có những nguồn nhân lực KH&CN thay thế đến từ các quốc gia khác với điều kiện quốc gia đó phải tạo điều kiện cho nhân lực có môi trường làm việc thuận lợi. Bên cạnh đó thì nguyên nhân đến từ nhu cầu được khẳng định bản thân, muốn có điều kiện tốt của các nhà khoa học cũng ảnh hưởng đến nhu cầu di chuyển của nguồn nhân lực KH&CN tại chính quốc gia đó.

3. Thực trạng di động nhân lực KH&CN tại các quốc gia ASEAN

Theo khảo sát *GlobSci* trong tháng 12 năm 2012, các nước phát triển cũng là các nước có tỷ lệ nhà khoa học làm việc ở nước ngoài cao nhất và những nhà khoa học này cũng trở thành các nguồn nhân lực chính của cộng đồng khoa học các nước tiếp nhận.

Hình 1. Chỉ số xếp hạng năng lực toàn cầu kết hợp với phân tích dữ liệu của 60 nước, số liệu dự đoán năm 2015



■ Hạng 1 - 15	■ Hạng 16 - 30	■ Hạng 31 - 45	■ Hạng 46 - 60
1. Mỹ	16. Pháp	31. Trung Quốc	46. Nam Phi
2. Đan Mạch	17. Ai len	32. Argentina	47. Peru
3. Phần Lan	18. Bỉ	33. Hy Lạp	48. Ai Cập
4. Thụy Điển	19. Đài Loan	34. Nga	49. Bulgaria
5. Na Uy	20. Áo	35. Ấn Độ	50. Ecuador
6. Singapore	21. Hàn Quốc	36. Mexico	51. Venezuela
7. Úc	22. Tây Ban Nha	37. Romania	52. Kazakhstan
8. Canada	23. Ý	38. Brazil	53. Việt Nam
9. Thụy Sĩ	24. Nhật Bản	39. Malaysia	54. Pakistan
10. Hồng Kông	25. Cộng hòa Séc	40. Các tiểu vương quốc Ả Rập Sê út	55. Iran
11. Đức	26. Chile	41. Colombia	56. Indonesia
12. Israel	27. Bồ Đào Nha	42. Ukraine	57. Sri Lanka
13. Hà Lan	28. Ba Lan	43. Thổ Nhĩ Kỳ	58. Algeria
14. Anh	29. Slovakia	44. Philipines	59. Nigeria
15. New Zealand	30. Hungary	45. Thái Lan	60. Azerbaijan

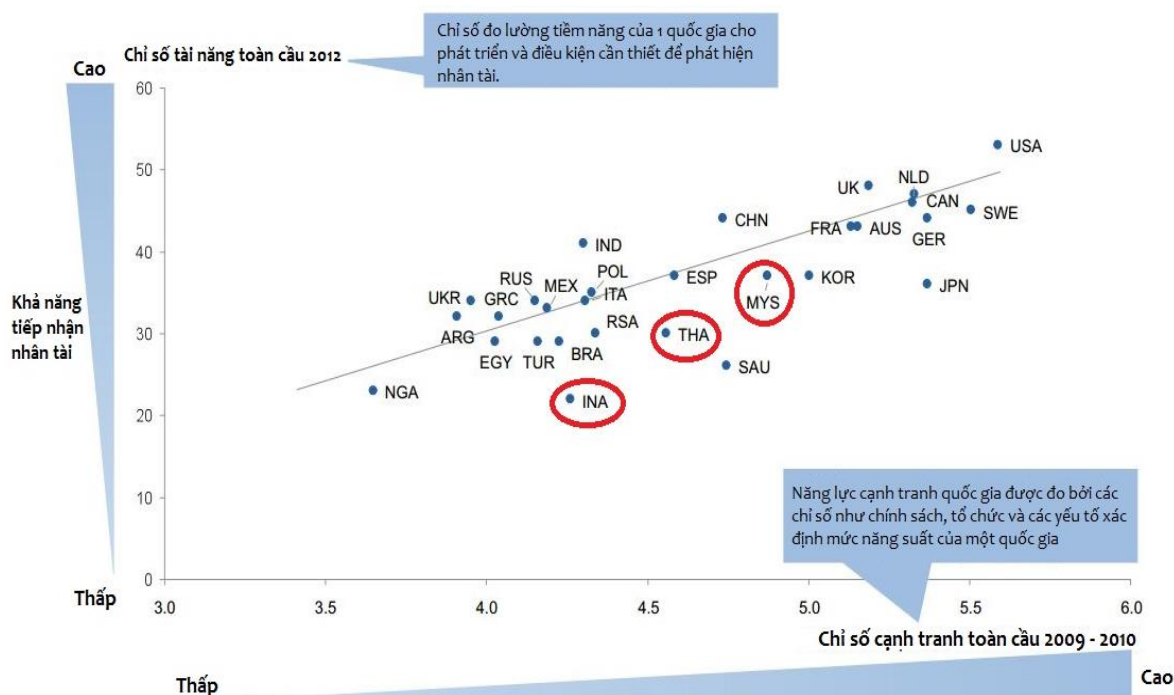
Nguồn: Heidrick&Struggles, *The Global talent index report: The outlook to 2015*

So với bảng xếp hạng Tài năng toàn cầu năm 2011 của Heidrick&Struggles thì năm 2015, Singapore tụt xuống 1 bậc, Malaysia tụt 3 bậc, Thái Lan tăng 1 bậc, Philipines giữ nguyên vị trí, Việt Nam giảm 1 bậc và Indonesia tăng 2 bậc.

Tuy nhiên, các xếp hạng năm 2015 của các nước ASEAN cho thấy có sự phân chia rõ rệt thành 3 hạng khác nhau. Trong khi Singapore nằm trong nhóm 10 nước đứng đầu thì Việt Nam và Indonesia đứng trong nhóm 10 nước có chỉ số thấp nhất. Còn Malaysia, Philippines và Thái Lan là các nước có xếp hạng trung bình.

Nguồn nhân lực KH&CN là chìa khóa quan trọng trong việc phát triển lâu bền của một quốc gia. Trong nửa thế kỷ qua, tận dụng những thành tựu vĩ đại của các làn sóng đổi mới công nghệ nảy sinh trong cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đang diễn ra hiện nay, nhiều nước trên thế giới và trong khu vực ASEAN đã có những bước tiến nhảy vọt về số lượng và chất lượng nhân lực KH&CN. Các nhà khoa học thuộc các nước trong ASEAN ngày càng đáp ứng được các yêu cầu khi di chuyển đến các quốc gia khác trên thế giới và họ có thể nắm bắt kịp thời những cơ hội làm việc tốt hơn tại khu vực này. Trong hình 2 dưới đây cho thấy sự tương quan giữa năng lực cạnh tranh toàn cầu (liên quan đến việc đào tạo giáo dục đại học, hiệu quả thị trường lao động và đổi mới, chất lượng hệ thống giáo dục, hiệu suất sử dụng chất xám và nguồn lực sẵn có các nhà khoa học, kỹ sư). Mức độ tương tác của các yếu tố này liên quan đến năng lực cạnh tranh của mỗi quốc gia, đặc biệt là chỉ số “chảy chất xám” và chất lượng hệ thống giáo dục.

Hình 2: Sự tương quan giữa khả năng cạnh tranh và tiếp nhận nhân lực KH&CN của một số nước

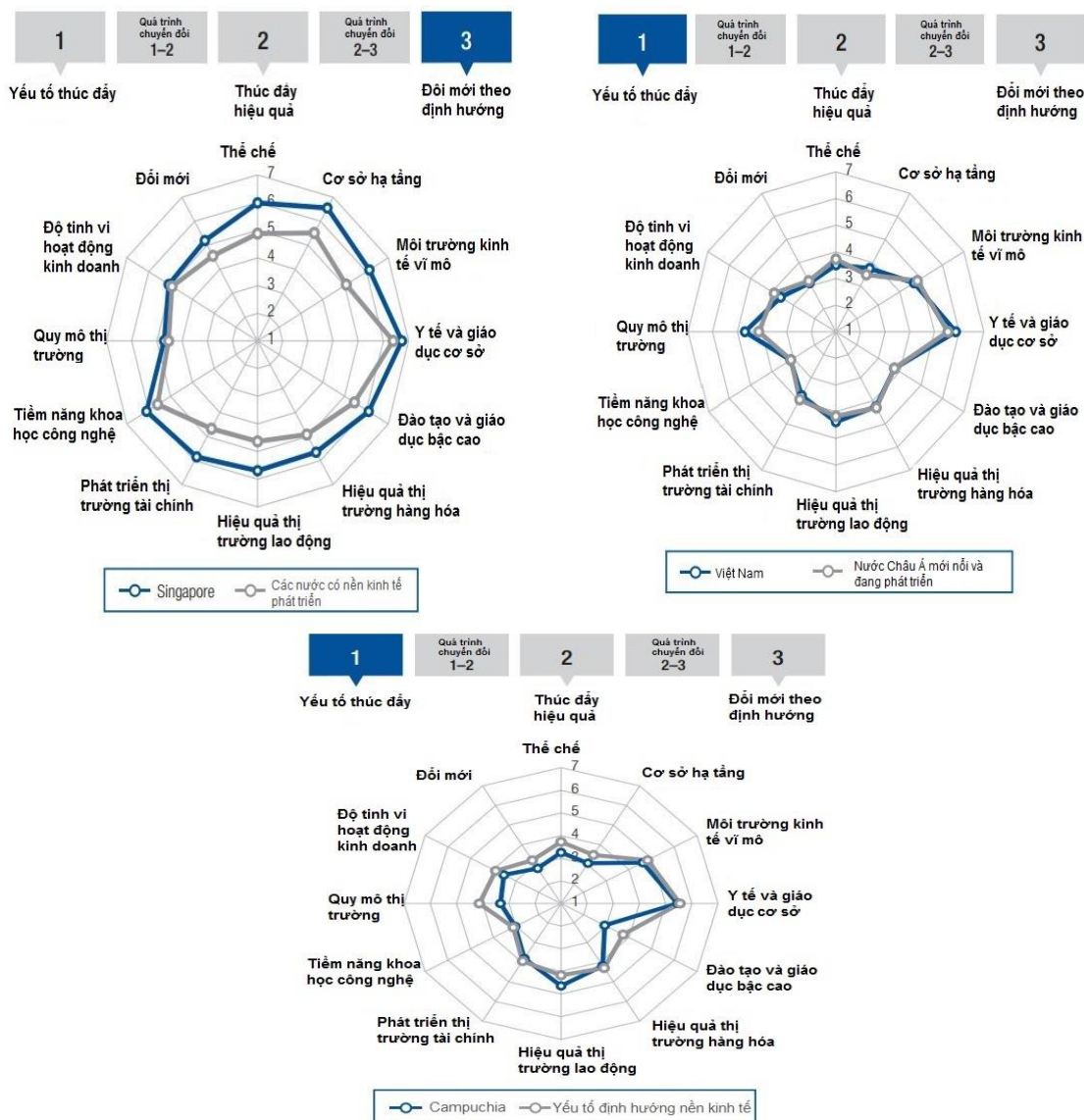


Ghi chú: $R^2 = 0.62$

MYS: Malaysia, KOR: Hàn Quốc, JPN: Nhật Bản, POL: Ba Lan, ITA: Italy, UKR: Ukraine, RUS: Nga, MEX: Mexico, GRC: Hy Lạp, ARG: Argentina, THA: Thái Lan, RSA: Nam Phi, EGY: Ai Cập, BRA: Brazil, TUR: Tây Ban Nha, SAU: Tiểu vương quốc Ả Rập, NGA: Nigeria, INA: Indonesia, IRN: Iran

Nguồn: *World Economic Forum The Global Competitiveness Index 2009-2010; Heidrick & Struggles; Economist Intelligence Unit*

Hình 3. Chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu của Singapore, Việt Nam và Campuchia



Nguồn: Schwab (2014)

Trong số 3 nước ASEAN là Malaysia, Thái Lan và Indonesia, ta có thể thấy sự khác biệt giữa 3 nước. Trong khi Malaysia được đánh giá khá cao ngang tầm với Hàn Quốc và có chỉ số cạnh tranh cũng như tiếp nhận nhân lực KH&CN thuộc nhóm nước trung bình thì Indonesia có chỉ số thấp nhất trong 3 nước. Nếu so sánh 2 chỉ số của Thái Lan với các nước trên thế giới thì chỉ số cạnh tranh của Thái Lan thuộc nhóm nước trung bình nhưng khả năng tiếp nhận nhân lực KH&CN lại khá thấp. Trên tất cả các bảng xếp hạng và các chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh, chỉ số đánh giá về năng lực đổi mới, sự sẵn có về nhân lực KH&CN thì các quốc gia trong khu vực ASEAN đều có sự phân chia rõ rệt thành 3 nhóm. Nhóm đứng đầu gồm có Singapore, Malaysia và Thái Lan; nhóm trung bình có Việt Nam, Philippines và Indonesia; nhóm cuối có Lào, Campuchia và Myanmar (Xem thêm hình 3 và bảng 1). Trong khu vực ASEAN, Singapore đã củng cố được vị trí

đứng đầu về kinh tế cũng như đổi mới của mình để chứng tỏ đây là quốc gia có nền kinh tế cạnh tranh nhất trong khu vực.

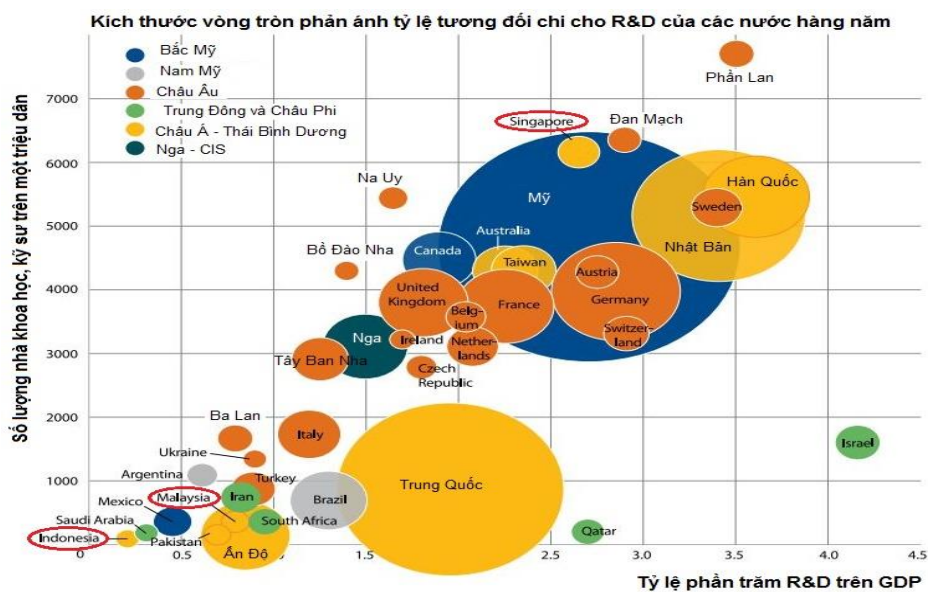
Bảng 1. Chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu của Campuchia, Việt Nam và Singapore (số liệu cụ thể)

Chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu của một số nước ASEAN		Điểm số	Xếp hạng (trên 144)
Campuchia	Năng lực đổi mới	3,4	101
	Chất lượng của các tổ chức nghiên cứu khoa học	2,9	118
	Chi tiêu của công ty cho R&D	3,1	79
	Hợp tác giữa trường đại học - ngành công nghiệp về R&D	3,0	115
	Sự sẵn có các nhà khoa học và kỹ sư	3,2	123
	Sáng chế PCT, số đơn đăng ký/triệu người *	0,0	124
Việt Nam	Năng lực đổi mới	3,5	95
	Chất lượng của các tổ chức nghiên cứu khoa học	3,3	96
	Chi tiêu của công ty cho R&D	3,2	63
	Hợp tác giữa trường đại học - ngành công nghiệp về R&D	3,3	92
	Sự sẵn có các nhà khoa học và kỹ sư	3,8	87
	Sáng chế PCT, số đơn đăng ký/triệu người *	0,3	93
Singapore	Năng lực đổi mới	5,0	18
	Chất lượng của các tổ chức nghiên cứu khoa học	5,6	11
	Chi tiêu của công ty cho R&D	4,8	10
	Hợp tác giữa trường đại học - ngành công nghiệp về R&D	5,6	5
	Sự sẵn có các nhà khoa học và kỹ sư	4,9	16
	Sáng chế PCT, số đơn đăng ký/triệu người *	125,2	13

Ghi chú: Giá trị trên thang điểm từ 1-7 trừ khi có đánh dấu sao.

Nguồn: Schwab (2014)

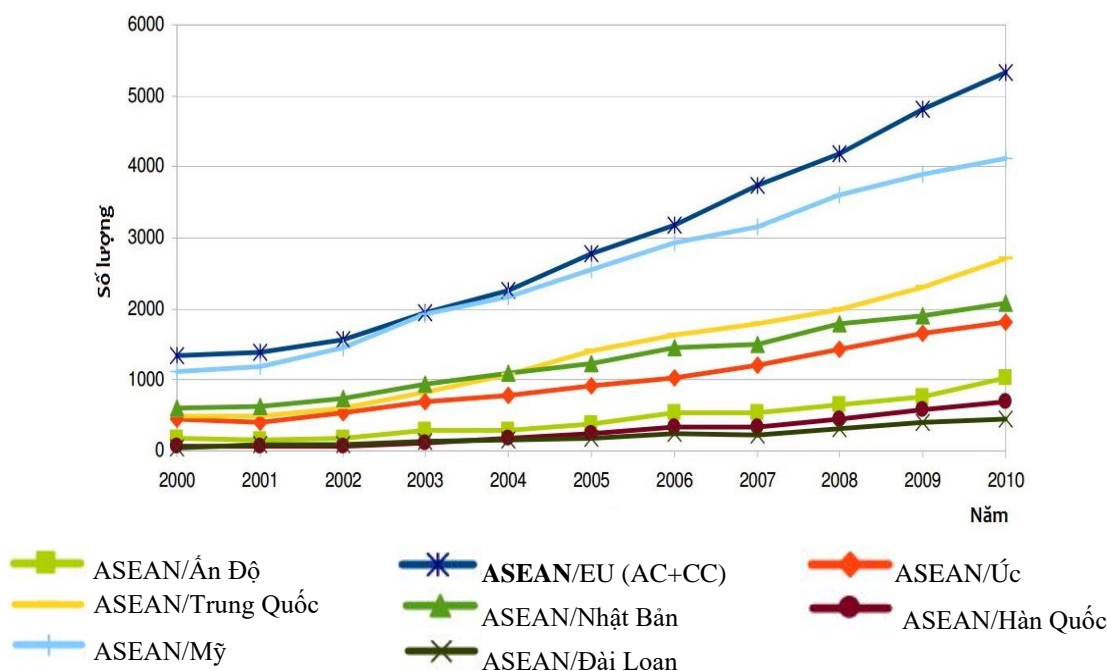
Hình 4. Tỷ lệ chi cho R&D của các nước năm 2013



Nguồn: Battelle, R&D Magazine, International Monetary Fund, World Bank, CIA Fact Book, OECD

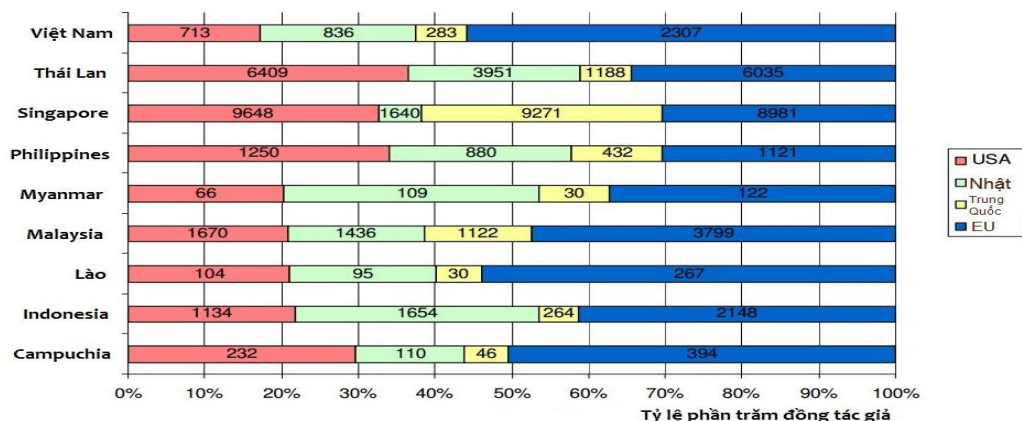
So với Malaysia, Indonesia cũng như mặt bằng chung các nước trong khu vực ASEAN thì Singapore là nước có sự chú trọng vào đầu tư và phát triển R&D cao nhất và là một trong những nước đứng đầu trên thế giới. Qua hình 4 ta có thể thấy ngoài tỷ lệ chi cho R&D trên GDP của Singapore so với các nước trong khu vực và trên thế giới trong năm 2013 thì số lượng nhà khoa học và kỹ sư trên một triệu dân thì Singapore cũng thuộc nhóm nước dẫn đầu.

Hình 5. Số lượng bài viết đồng tác giả từ các nước ASEAN/EU và ASEAN cùng các nước khác năm 2000 - 2010



Nguồn: EU - Southeast Asia co-publications dimensions, patterns, trends, A.Degelsegger /D. Lampert /J. Simon /I. Wagner, Centre for Social Innovation (ZSI), 2011.

Hình 6. Số lượng các tác phẩm đồng tác giả của các nước ASEAN năm 2005 - 2010 (số liệu tương đối)



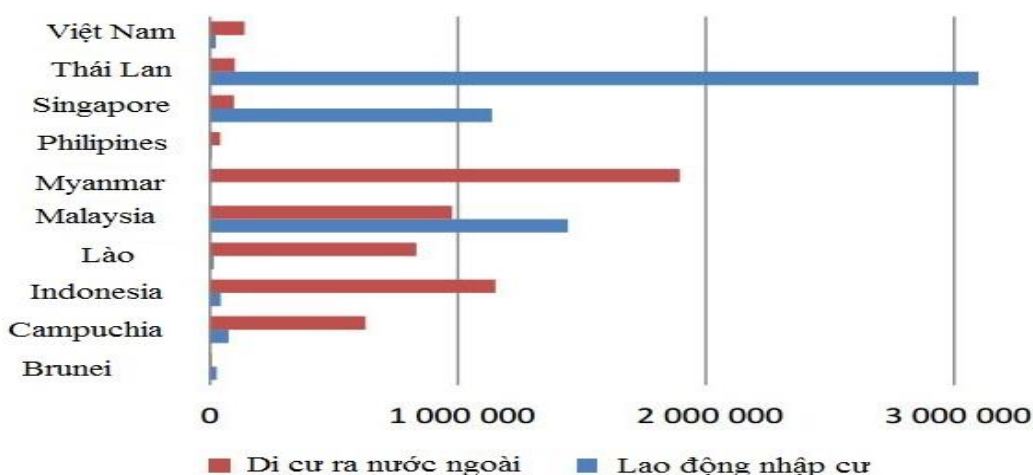
Nguồn: EU - Southeast Asia co-publications dimensions, patterns, trends, A. Degelsegger / D. Lampert / J. Simon / I. Wagner, Centre for Social Innovation (ZSI), 2011.

Nếu so sánh về năng suất cũng như hiệu quả hoạt động nghiên cứu của các nhà khoa học thông qua số lượng bài viết đăng trên tạp chí quốc tế thì có thể thấy số lượng bài viết đồng tác giả tăng đều theo thời gian và riêng bài viết đồng tác giả của ASEAN/EU nhiều hơn hẳn so với các nước, khu vực khác. Hình 5 và 6 thể hiện số lượng bài viết đồng tác giả của các nhà nghiên cứu đến từ các nước ASEAN hợp tác cùng các nước khác trong giai đoạn 2000 - 2010. Xét về từng nước thì sự hợp tác nghiên cứu với các nhà khoa học đến từ các nước EU chiếm đa phần, tiếp đến là Mỹ. Điều này phản ánh sự liên kết và hợp tác nghiên cứu giữa các nhà khoa học ngày càng mở rộng và phát triển. Đồng thời rào cản về ngôn ngữ quốc tế (tiếng Anh) đang dần được khắc phục.

Bên cạnh đó, dân số ASEAN vào khoảng 600 triệu người, chiếm 8,6% tổng dân số thế giới (Bùi Thị Minh Tiệp, 2015: 25). Con số này tương đương với tổng dân số châu Mỹ La-tinh và vùng Ca-ri-bê cộng lại (606 triệu), đồng thời lớn hơn đáng kể dân số EU (506 triệu) và gấp đôi dân số Mỹ (312 triệu). Kể từ năm 1990, dân số ASEAN đã tăng gần gấp đôi và dự đoán đến năm 2025 sẽ đạt 694 triệu người. Việc di động thông qua hoạt động nghiên cứu và hợp tác giữa các tổ chức đang ngày càng tăng. Trong khu vực ASEAN chia thành 2 luồng rõ rệt. Nhóm các nước tiếp nhận nhân lực KH&CN nhiều nhất gồm Singapore (52,9%), Malaysia (61,2%) và Thái Lan (96,2%). Nhóm các nước có số lượng nhân lực di động và ít nhân lực KH&CN đến có Campuchia, Lào, Myanmar, Indonesia, Việt Nam và Philippines (Xem thêm hình 7, 8 và 9)

Hình 7. Số lượng người di cư trong nội bộ khối ASEAN năm 2013

Đơn vị: người

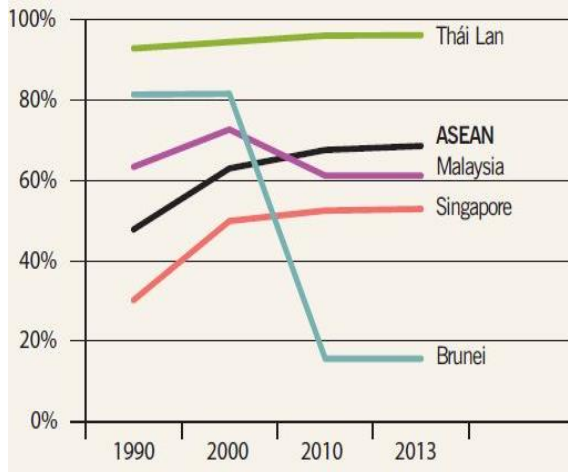


Nguồn: UN DESA, Cơ sở dữ liệu toàn cầu Migration

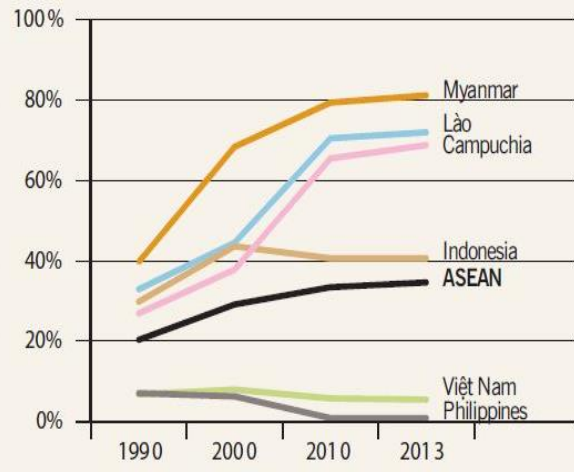
Ở ASEAN, số lượng lớn nhân lực KH&CN chọn là điểm đến gồm có Malaysia, Singapore và Thái Lan. Xét về tổng thể, ba nước này tiếp nhận gần 90% tổng số nhân lực di động của khu vực. Ở cả ba quốc gia này, nguồn di động lại chịu chi phối bởi nhân lực đến từ một nước duy nhất: ở Singapore thì 45% nhân lực đến từ Malaysia; ở Malaysia có tới 42,6% lao động nhập cư từ Indonesia, và ở Thái Lan có 50,8% nhân lực đến từ Myanmar (Xem thêm hình 9).

Hình 8: Tỷ lệ nhập cư trong nội bộ khối ASEAN giai đoạn 1990 - 2013 (% tổng số)

Bảng A: Tỷ lệ lao động nước ngoài từ các nước thành viên ASEAN trên tổng số người lao động ở nước ngoài

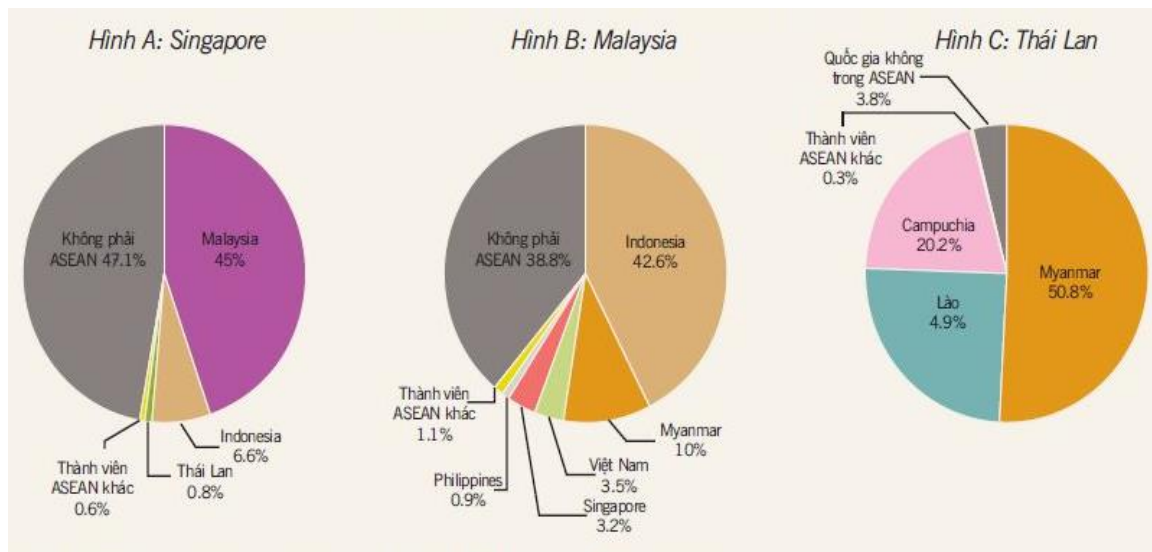


Bảng B: Tỷ lệ lao động di chuyển trong ASEAN của các nước thành viên ASEAN



Ghi chú: Dữ liệu về ASEAN đưa ra tỷ lệ tổng hợp cho khu vực
 Nguồn: Liên Hiệp Quốc, 2014

Hình 9. Nơi xuất phát dòng nhập cư nhân lực quốc tế vào 3 nước Singapore, Malaysia và Thái Lan năm 2013



Nguồn: UN. 2013. Tổ chức Lao động Quốc tế & Ngân hàng Phát triển Châu Á, Cộng đồng ASEAN 2015, 2014

Thực tế, các bằng chứng cho thấy sự tập trung phần lớn nhân lực KH&CN của các quốc gia đang phát triển đều hướng đến khu vực như OECD, Mỹ hay ngay trong nội bộ khối ASEAN thì Singapore là điểm đến thu hút nhiều nhân lực KH&CN ở các lĩnh vực như công nghệ thông tin, y tế, nghiên cứu khoa học và đào tạo nâng cao trình độ. Tuy nhiên, sự di động của nguồn nhân lực này không hẳn là sự mất mát hoàn toàn đối với quốc gia xuất cư. Dòng nhân lực di cư này có thể có tác động tích cực như lượng kiều hối

quay trở lại tài trợ cho nước nguồn. Theo Ngân hàng Thế giới, trong 12 nước có số lượng kiều hối từ 10 tỉ USD trở lên vào năm 2013, thì Philippines đứng thứ ba với 25 tỉ, Việt Nam đứng hạng 10 với 11 tỉ USD, tương đương khoảng 7,1% của tổng sản phẩm nội địa, bằng 1/3 số lượng ngoại hối dự trữ của Việt Nam vào năm 2013 (33 tỉ USD), lớn hơn vốn đầu tư nước ngoài được giải ngân (10,5 tỉ USD) và các khoản viện trợ chính thức ODA (4,1 tỉ USD cho năm 2012). Mặt khác, trong trường hợp trở về, những nhân lực này có thể mang về quê nhà những công nghệ và kỹ thuật quản lý mới, những mối quan hệ, hợp tác và những ý tưởng mới mà có thể sẽ hữu ích cho sự phát triển quốc gia.

4. Chính sách thu hút nhân tài của một số quốc gia ASEAN

Nhân lực KH&CN có vai trò cung cấp kiến thức và góp phần tạo nên sự đổi mới trong các giai đoạn của hoạt động KH&CN, do đó làm tăng hiệu suất kinh tế và sự tăng trưởng. Việc thu hút nguồn nhân lực KH&CN sẽ đẩy nhanh việc tích lũy kiến thức, kích thích đổi mới và dẫn đến “phản ứng” tăng trưởng kinh tế diễn ra nhanh hơn. Việc chảy chất xám đối với các nước này đáng lo ngại bởi nỗi lo thiếu hụt nguồn nhân lực KH&CN và tạo nên một tiền lệ cho sự hình thành một dòng chảy chất xám, đặc biệt là đối với các nước đang phát triển.

Hầu hết các quốc gia thuộc ASEAN đều nhận thức được những thách thức đang phải đối mặt đó là nhu cầu ngày càng cao về mặt số lượng và chất lượng đối với nguồn nhân lực KH&CN trong tình hình dân số đang có xu hướng thu hẹp. Cùng với đó, tính di động của nhân lực KH&CN đóng một vai trò đặc biệt quan trọng. Việc hoạch định chính sách của các nước được coi là một chiến lược quan trọng sao cho đạt được lợi ích từ cả hai dòng di chuyển: di động đi và thu hút về. Dưới đây là một số chính sách tiêu biểu của một số nước ASEAN:

Hầu hết các quốc gia ASEAN đều nhận thức được vai trò quan trọng của KH&CN trong phát triển đất nước và tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là đội ngũ nhân lực KH&CN. Trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa về KH&CN thì tạo cho các nước có cơ hội thu hút nhân lực KH&CN chất lượng cao dễ dàng hơn đồng thời với nó là bất cập trong việc chống luồng di động của nhân lực KH&CN sang các quốc gia khác trong khu vực và các quốc gia khác ngoài khu vực. Vì vậy, tất cả các nước này đều rất quan tâm đến việc xây dựng một đội ngũ nhân lực KH&CN có năng lực để tiếp thu và vận dụng những kiến thức KH&CN để giải quyết được những vấn đề về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Nhìn chung, các nước ASEAN đều tập trung vào việc tránh các điểm bất lợi từ di động nhân lực KH&CN và tăng lợi ích từ việc thu hút nhân lực KH&CN của mình thông qua một số biện pháp cơ bản như:

1. Các chương trình học bổng trong các ngành KH&CN từ cấp đại học trở lên cho các tài năng theo học tại các cơ sở đào tạo có uy tín ở các nước phát triển;
2. Chương trình kêu gọi các kiều dân là chuyên gia KH&CN trở về phục vụ phát triển đất nước;
3. Khuyến khích học sinh theo học các ngành KH&CN cũng như đổi mới và tăng cường các chương trình giảng dạy KH&CN trong nhà trường.

Quốc gia	Chính sách
Việt Nam	Chính phủ Việt Nam đã đề ra 6 chính sách về xuất nhập cảnh và cư trú, tuyển dụng-lao động-học tập, lương, nhà ở, tiếp cận thông tin, khen thưởng, vinh danh và một số chính sách khác. Tiêu biểu là Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22/09/2014 Quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam.
Thái Lan	Chính phủ Thái Lan đưa ra dự án "đảo dòng chất xám" năm 1996 và phối hợp với các hiệp hội chuyên gia Thái Lan ở hải ngoại với việc cung cấp tài chính để thu hút các chuyên gia người Thái Lan ở Bắc Mỹ, châu Âu và Nhật Bản chuyển hẳn hay tạm thời về Thái Lan.
Singapore	Singapore thành lập Ủy ban Tuyển dụng tài năng và 4 trung tâm hỗ trợ nguồn nhân lực nước ngoài định cư: Trung tâm tìm người tài; Trung tâm giúp sinh viên có kỹ năng làm việc và tích lũy kinh nghiệm; Trung tâm gắn kết với doanh nghiệp và giáo dục và Trung tâm hỗ trợ phát triển tài năng. Cùng với đó là chính sách hỗ trợ học bổng cho sinh viên tài năng của các nước trong khu vực. Sau khi tốt nghiệp, các sinh viên này phải cam kết ở lại làm việc ít nhất 6 năm.
Malaysia	Chính phủ Malaysia đưa ra chính sách đặc biệt để lôi kéo nhân tài như áp dụng mức thuế cá nhân 15% trong 5 năm cho người trở về Malaysia làm việc và được miễn thuế đối với tất cả tài sản mang theo, và đưa ra các chương trình thu hút nhân tài như: Chương trình thu nhận các nhà khoa học Malaysia và ngoại quốc được triển khai từ năm 1995; Chương trình hồi hương các chuyên gia Malaysia ở nước ngoài được triển khai từ năm 2000.
Philippines	Chính phủ Philippines triển khai chương trình học bổng quy mô lớn thuộc lĩnh vực KH&CN thông qua Luật Học bổng KH&CN (1994) và một trong số các kế hoạch phát triển KH&CN quốc gia 2002 - 2020 là thu hút nhân lực KH&CN đẳng cấp cao.

Riêng Singapore, nhờ có nền kinh tế phát triển mạnh và thoáng nên để thu hút nhân tài KH&CN, đảo quốc này có chiến lược tập trung xây dựng những cơ sở nghiên cứu mạnh và hiện đại với các điều kiện nghiên cứu đạt tiêu chuẩn hàng đầu thế giới. TChính phủ nước này đã thành lập ủy ban Tuyển dụng Tài năng Singapore để phát triển và thực thi các chiến lược thu hút và duy trì tài năng nước ngoài. Chính sách nhập cư của Singapore phân biệt người nước ngoài có trình độ chuyên môn cao, chuyên gia và đào tạo đại học theo thu nhập tháng, bằng cấp và kỹ năng để cấp thị thực lao động. Tuỳ theo loại thị thực, người nước ngoài có thể mang theo vợ (hoặc chồng), con và thậm chí cả bố mẹ và bố mẹ vợ (chồng). Ngoài ra, Singapore còn tăng cường tuyển dụng nhân lực KH&CN nước ngoài thông qua các học bổng dành cho sinh viên người nước ngoài chưa và đã tốt nghiệp đại học. Chính phủ trực tiếp tuyển sinh viên trung học từ Trung Quốc sang Singapore để tiếp tục học. Các hãng liên kết với Chính phủ như Singapore Airlines cấp học bổng cho sinh viên chưa tốt nghiệp ở Ấn Độ để tuyển dụng nhân lực KH&CN từ nước ngoài. Tất cả sinh viên nước ngoài đang học tại Singapore được vay tiền để trả học phí và sinh hoạt phí. Nhờ có nền kinh tế phát triển mạnh và thoáng nên Singapore có

chiến lược tập trung xây dựng những cơ sở nghiên cứu mạnh và hiện đại với các điều kiện nghiên cứu đạt tiêu chuẩn hàng đầu thế giới. Đây thực sự là một định hướng chính sách tốt cho cả hai chiều giữ và thu hút nhân lực KH&CN của Singapore.

5. Kết luận

Sự phát triển thành công của khu vực ASEAN phần lớn phụ thuộc vào cách các nước thành viên thực hiện các chính sách và các hỗ trợ tài chính cho các mục tiêu chung của khu vực. Các quốc gia ASEAN đang tạo ra một sự tiến bộ trong việc tạo ra các điều kiện cho di động nhân lực có trình độ cũng như nhân lực KH&CN. Tuy nhiên, đa số các chương trình quốc gia mới chỉ đạt được hiệu quả về số lượng còn về chất lượng nhân lực KH&CN còn chưa được xem xét và chú trọng. Trong tương lai, các quốc gia nên tập trung thu hút và đào tạo, giữ chân nhân lực KH&CN chất lượng thông qua các chương trình sàng lọc thay vì thu hút chung chung, đánh đồng. Và để có thể giữ chân nhân lực KH&CN ở lại làm việc và cống hiến thì cần có sự kết hợp của nhiều chính sách khác nhau như các chính sách về thị trường lao động, di cư, đổi mới, giáo dục cũng như hợp tác với các chính sách quốc gia và khu vực. Ngoài các hiệp định RCEP, TPP, AFTA và AEC, các quốc gia cần tạo ra những công cụ, chính sách thích hợp để thúc đẩy sự thay đổi từ các nước thành viên trong khu vực nhằm hướng tới mục đích phối hợp chặt chẽ giữa các quốc gia thành viên trong vấn đề di động nhân lực đặc biệt là nhân lực KH&CN.

Tài liệu tham khảo

- Ban Thống kê và Dự báo Kinh tế, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. 2014. *Thông tin kinh tế thế giới và trong nước tháng 11/2014*.
- Battelle. R&D Magazine, *International Monetary Fund*, World Bank, CIA Fact Book, OECD.
- Bùi Thị Minh Tiệp. 2015. Nguồn nhân lực của các nước ASEAN và những tham chiếu cho Việt Nam trước thêm hội nhập AEC. *Báo Kinh tế và Phát triển*, số 212/2015: 25-34.
- Đào Thanh Trường. 2008. Di động xã hội của cộng đồng khoa học. *Tạp chí Xã hội học*, số 3.
- Degelsegger, A., D. Lampert, J. Simon, I. Wagner. 2011. *EU - Southeast Asia co-publications dimensions, patterns, trends*. Centre for Social Innovation (ZSI).
- Degelsegger, D. Lampert, J. Simon, I. Wagner. 2011. *EU - Southeast Asia Co-publications Dimensions, Patterns, Trends*. Centre for Social Innovation (ZSI).
- Friedman, Thomas. 2005. Thế giới phẳng. Nxb Tri thức. Hà Nội.
- Hans M. Borchgrevink, Beate Scholz, Olivier Boehme, Thomas Jorgensen, Marek Sarissky, Laura Marin. 2013. *New concepts of Researcher Mobility – a comprehensive approach including combined/part-time positions*, Science Policy Briefing, 4/2013.
- Heidrick and Struggles. *Economist Intelligence Unit*, World Economic Forum The Global Competitiveness Index 2009-2010.
- Heidrick and Struggles. *The Global Talent Index Report: The Outlook to 2015*. <http://www.globaltalentindex.com/Resources/gti-map.aspx#>
- Heidrick and Struggles. 2015. The Global talent index report: The outlook to 2015. Truy cập từ <http://www.globaltalentindex.com/Resources/gti-map.aspx#>.

- Lee, Edward. 2014. *ASEAN trên con đường “cao tốc” tăng trưởng*. Truy cập từ <http://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-quoc-te/nhan-dinh-du-bao/asean-tren-con-duong-cao-toc-tang-truong-55834.html>, ngày 19/11/2014.
- Liên hiệp quốc. 2014. *Xu hướng nhập cư quốc tế: Dữ liệu sửa đổi 2013*; Tổ chức Lao động Quốc tế & Ngân hàng Phát triển Châu Á, Cộng đồng ASEAN. 2015. *Quản lý hội nhập hướng tới thịnh vượng chung và việc làm tốt hơn*.
- Marx, Karl và Friedrich Engels. 1994. *Karl Marx và Friedrich Engels toàn tập*, tập 20. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- Phạm Thành Sơn. 2015. *Hai mặt của kiều hối*. Doanh nhân Sài Gòn cuối tuần, số 596, trang 6.
- Richard Van Noorden. Science on the Move. *Nature Biotechnology*. Vol 490, 2012.
- Schwab, Klaus. 2014. World Economic Forum, *The Global Competitiveness Report 2014 - 2015*.
- Trần Văn Phát. 2014. Bảy điều cần biết về khối ASEAN thống nhất. Truy cập từ <http://www.hiephoidoanhnghiep.vn/zone/bay-dieu-can-biet-ve-khoi-asean-thong-nhat/177/8173>, ngày 21/7/2014.
- UN DESA. *Cơ sở dữ liệu toàn cầu Migration*.
- UN. 2013. *Xu hướng nhập cư lao động quốc tế, dữ liệu năm 2013*; Tổ chức Lao động Quốc tế & Ngân hàng Phát triển Châu Á. 2014. Cộng đồng ASEAN 2015, quản lý hội nhập hướng tới thịnh vượng chung và việc làm tốt hơn.